

Bản án số: 307/2018/DS-ST
Ngày: 20-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đinh Thị Ngọc Châu

Bà Đặng Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2012/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2012 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2382/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thanh N, sinh năm 1955

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn:

- Bà Lê Thị Phi Y, sinh năm 1972

- Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1949

Địa chỉ: Đường D, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn B, sinh năm 1959

Địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 07-3-2012 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thanh N trình bày:

Ngày 19-6-2011, bà có cho bà Lê Thị Nh mượn 100.000.000 đồng, Bà Nh thế chấp giấy hồng căn nhà Đường D, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Văn Lắm và bà Lê Thị Nh đứng tên sở hữu. Sau đó bà Lê Thị Phi Y (con Bà Nh) tiếp tục vay mượn thêm 200.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, Bà Nh sẽ trả tiền lãi cho bà 108.000.000 đồng nhưng Bà Nh mới trả cho bà được 27.000.000 đồng thì

ngưng cho đến nay. Nay, bà khởi kiện yêu cầu Bà Nh, Bà Y trả cho bà 381.000.000 đồng gốc và lãi.

Bị đơn là bà Lê Thị Nh trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 23-8-2012: Từ trước đến nay bà không biết bà Trần Thanh N là ai và cũng không có việc vay mượn giữa bà và Bà N, chỉ đến khi được Tòa mời bà mới biết có giấy vay nợ này. Bà khẳng định không lập giấy vay nợ này và cũng không có việc vay mượn giữa bà và Bà N. Trước khi bán nhà, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở căn nhà Đường D, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh do bà giữ. Con gái bà là Phi Yến nói đang cần tiền làm ăn nên đề nghị bà cho mượn giấy tờ căn nhà trên để thế chấp vay tiền. Sau khi chồng bà là ông Lắm chết, tất cả thủ tục sang tên cho bà và Bà Y đều do Bà Y làm. Khi có giấy chứng nhận mới, do cần thanh toán các khoản bà đã vay mượn trước đó nên bà đã bán căn nhà cho người khác và thanh toán hết các khoản nợ vay. Bà không hề vay tiền của Bà N nên bà không có trách nhiệm phải trả tiền theo yêu cầu của Bà N.

Bị đơn là bà Lê Thị Phi Y trình bày tại Bản khai ngày 28-11-2013: Bà có mượn tiền của Bà N nhiều đợt, tổng cộng 300.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, bà có trả cho Bà N 27.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng không trả nữa vì không có khả năng. Do hoàn cảnh hiện nay rất khó khăn nên bà xin được trả dần 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ 300.000.000 đồng.

Về khoản nợ 100.000.000 đồng đầu tiên thực chất là bà nợ của Bà N chứ không phải Bà Nh, tờ giấy nợ đứng tên bà Lê Thị Nh là do bà tự lập và giả tên Bà Nh để vay tiền của Bà N, bà đã lén ba mẹ lấy giấy tờ nhà thế chấp cho Bà N, tuy nhiên sau đó bà đã lấy lại giấy tờ nhà, Bà N không còn giữ nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn B trình bày tại Bản khai ngày 11-7-2014: Số tiền 300.000.000 đồng vợ ông là Bà N cho Bà Nh và Bà Y vay là tài sản chung của vợ chồng ông. Nay, ông thống nhất với ý kiến của Bà N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định yêu cầu Bà Y trả cho nguyên đơn 300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà Lê Thị Phi Y và bà Lê Thị Nh, địa chỉ: Đường D, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị Phi Y và ông Lê Văn B vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của Bà N yêu cầu Bà Y trả 300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Theo Kết luận giám định số 1056/C54B ngày 23-4-2015 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Với điều kiện mẫu vật hiện tại không kết luận được chữ ký và chữ viết mang tên Lê Thị Nh dưới mục “người làm giấy nợ” trên tờ “Giấy nợ” với chữ viết tên Lê Thị Nh trên ba tài liệu mẫu so sánh là có phải do cùng một người ký và viết ra hay không. Tại Biên bản làm việc ngày 29-12-2015, Bà N xác định không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Lê Thị Nh và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với Văn bản ngày 21-8-2011 do một mình Bà Y ký tên vay thêm nhiều lần và có xác nhận bên dưới văn bản với nội dung: Bà Y thiếu Bà N tổng cộng 300.000.000 đồng, một tháng đóng 6% tiền lãi, phù hợp với lời khai của Bà Y về khoản nợ 100.000.000 đồng đầu tiên thực chất là Bà Y vay Bà N chứ không phải Bà Nh, tờ giấy nợ đứng tên bà Lê Thị Nh là do Bà Y tự lập và ký giả tên Bà Nh để vay tiền của Bà N. Quá trình giải quyết vụ án, Bà Nh xác định không có việc vay mượn tiền với Bà N. Tại phiên tòa, Bà N xác nhận giấy nợ vay 100.000.000 đồng Bà Nh không ký tên trước mặt Bà N, Bà N đưa 100.000.000 đồng vay đầu tiên cho Bà Y, không có mặt Bà Nh. Như vậy, việc Bà Y có mượn tiền của Bà N nhiều đợt, tổng cộng 300.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng là phù hợp với lời khai của các đương sự và chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Nay Bà N yêu cầu Bà Y có trách nhiệm trả 300.000.000 đồng nợ gốc, mỗi tháng trả 8.000.000 đồng đến khi trả hết nợ phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Về mức lãi suất vay, theo Văn bản ngày 21-8-2011, Bà Y và Bà N có thỏa thuận một tháng đóng 6% tiền lãi, mức lãi suất này cao hơn so với quy định tại khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Tại phiên tòa, Bà N yêu cầu tính lãi từ thời điểm khởi kiện 07-3-2012 đến ngày xét xử 20-6-2018, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

[7] Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá 13.5%/năm theo quy định tại Điều 476, khoản 2 Điều 477 của Bộ luật Dân sự. Do đó, tiền lãi Bà Y phải trả cho Bà N là: 300.000.000 đồng x 13,5%/năm x 06 năm 03 tháng 13 ngày = 254.587.500 đồng. Tổng cộng là 554.587.500 đồng.

[8] Các đương sự không có yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã trả 27.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.183.500 đồng. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Bà N.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

471, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh N

Buộc bà Lê Thị Phi Y có trách nhiệm trả cho bà Trần Thanh N 300.000.000 đồng nợ gốc và 254.587.500 đồng nợ lãi tính đến ngày 20-6-2018. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 554.587.500 đồng.

Phương thức thanh toán: Mỗi tháng trả 8.000.000 đồng, bắt đầu trả từ tháng 7-2018 đến khi trả hết nợ, tháng cuối cùng trả 10.587.500 đồng.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Phi Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.183.500 đồng.

Bà Trần Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thanh N 9.525.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AD/2010/06872 ngày 29 tháng 3 năm 2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm

